

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-11-2019
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ
2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Khuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 168/2019/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú: Số A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Doãn Văn T, sinh năm 1979; hộ khẩu thường trú: Số A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn ngày 18/4/2019, quá trình làm việc và lời trình bày tranh tụng tại phiên tòa của nguyên đơn (bà Đoàn Thị T) thể hiện:***

Bà T và ông T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương ngày 15/02/2005.

Quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống vì lý do ông T có hành vi bạo lực gia đình và đập phá tài sản. Điều này đã làm ảnh hưởng cuộc sống và tinh thần của hai bên, bà T đã ly thân với ông T từ năm 2017 cho đến nay và thấy rằng mục đích hôn nhân không đạt được, hạnh phúc và tình nghĩa vợ chồng không còn nên bà T làm đơn xin ly hôn với ông T.

Quá trình chung sống hai vợ chồng có 03 người con chung tên Doãn Thị Tường V, sinh ngày 19/8/2006; Doãn Minh P, sinh ngày 25/9/2012; Doãn Minh Đ, sinh ngày 03/4/2016. Bà T yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Doãn Thị Tường V, sinh ngày 19/8/2006. Bà T đồng ý giao 02 con chung tên Doãn Minh P, sinh ngày 25/9/2012 và Doãn Minh Đ, sinh ngày 03/4/2016 cho ông Doãn Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Hiện nay, bản thân bà T đang làm công nhân cao su của Nông trường cao su C với mức lương hàng tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đủ điều kiện chăm lo cho cháu V.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

*** Theo biên bản làm việc ngày 18/6/2019, ngày 10/7/2019 của bị đơn (ông Doãn Văn T) thể hiện:**

Ông T thống nhất với bà T về quá trình tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương ngày 15/02/2005. Quá trình chung sống có 03 người con chung tên Doãn Thị Tường V, sinh ngày 19/8/2006; Doãn Minh P, sinh ngày 25/9/2012; Doãn Minh Đ, sinh ngày 03/4/2016.

Đối với yêu cầu ly hôn của bà T thì ông T không đồng ý vì còn thương vợ, thương con. Trong cuộc sống gia đình phía ông T nhận thấy rằng bản thân ông không có lỗi gì dẫn đến mâu thuẫn tình cảm trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, trước yêu cầu ly hôn của bà T thì ông T không đồng ý. Về con chung, hiện 02 con chung tên Doãn Minh P, sinh ngày 25/9/2012; Doãn Minh Đ, sinh ngày 03/4/2016 đang sống cùng với ông T, được ông T cho ăn học đầy đủ. Riêng con chung tên Doãn Thị Tường V, sinh ngày 19/8/2006 bị khuyết tật bẩm sinh sống cùng bà T. Trước yêu cầu về con chung của bà T thì ông T đồng ý, không bên nào cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, ông T đang làm nghề cạo mủ cao su thuê cho người khác với thu nhập hàng tháng từ 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) đến 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) đảm bảo điều kiện chăm lo cho cháu P và Đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn ông T tham gia giải quyết vụ án nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Quá trình xác minh, bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương và vẫn đang sinh sống tại địa phương.

Ngoài ra bị đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

* **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng phát biểu tại phiên tòa:** Quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Tại phiên tòa, phía bị đơn ông T vắng mặt không lý do. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đoàn Thị T đối với ông Doãn Văn T; giao con chung tên Doãn Thị Tường V, sinh ngày 19/8/2006 cho bà T nuôi dưỡng, giao 02 con chung tên Doãn Minh P, sinh ngày 25/9/2012 và Doãn Minh Đ, sinh ngày 03/4/2016 cho ông Doãn Văn T nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của bà T và ông T về việc không yêu cầu bên nào cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật tranh chấp “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đang cư trú tại ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn bà T và bị đơn ông T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương ngày 15/02/2005. Hôn nhân giữa bà T với ông T là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[2.1] Nguyên đơn cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn với lý do bị đơn có hành vi bạo lực gia đình và đập phá tài sản. Điều này đã làm ảnh hưởng đến cuộc sống và tinh thần của hai bên, nguyên đơn đã ly thân với bị đơn từ năm 2017 cho đến nay. Vì vậy, nguyên đơn làm đơn xin ly hôn với bị đơn.

[2.2] Ngược lại, phía bị đơn ông T không đồng ý ly hôn với nguyên đơn vì cho rằng còn thương vợ thương con, bị đơn nhận thấy rằng bản thân không có lỗi gì dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng. Tuy nhiên, ngày 31/10/2019, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn gia đình của nguyên đơn và bị đơn tại địa phương thể hiện, trong quá trình sống chung sống với nhau hai bên có phát sinh mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến cuộc sống ly thân với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Giữa nguyên đơn và bị đơn cũng thường xuyên xảy ra xung đột làm

ảnh hưởng đến cuộc sống của các hộ dân xung quanh. Chính quyền địa phương đã nhiều lần đến gia đình bị đơn để hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Bên cạnh đó, Tòa án đã tiến hành hòa giải và tạo điều kiện cho hai bên một thời gian để hàn gắn tình cảm, nhưng nguyên đơn kiên quyết ly hôn. Bị đơn không tham gia xét xử mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục luật định nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, có cơ sở xác định bị đơn không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, thời gian từ năm 2017 đến nay, hai bên đã không còn sống chung, không còn mối quan hệ tình cảm gia đình, quan hệ kinh tế, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Quá trình chung sống có 03 người con chung tên Doãn Thị Tường V, sinh ngày 19/8/2006; Doãn Minh P, sinh ngày 25/9/2012; Doãn Minh Đ, sinh ngày 03/4/2016. Nguyên đơn yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Doãn Thị Tường V, sinh ngày 19/8/2006 và tự nguyện giao 02 con chung tên Doãn Minh P, sinh ngày 25/9/2012 và Doãn Minh Đ, sinh ngày 03/4/2016 cho bị đơn chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy hiện nay cháu Doãn Thị Tường V bị khuyết tật bẩm sinh đang sống cùng bà T và được bà T chăm sóc nuôi dưỡng. Còn hai cháu Doãn Minh P và Doãn Minh Đ hiện đang sinh sống cùng với ông T, được ông T cho ăn học đầy đủ. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý ở trẻ vị thành niên thì không cần thiết phải lấy ý kiến của những người con để thực hiện quyền giao con cho ai nuôi dưỡng, do đó tiếp tục giao con chung tên Doãn Minh P và Doãn Minh Đ cho bị đơn ông T chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Doãn Thị Tường V cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bản thân bà T đang làm công nhân cao su của Nông trường cao su C với mức lương hàng tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), ông T đang làm nghề cạo mủ cao su thuê cho người khác với thu nhập hàng tháng từ 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) đến 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). Việc bà T và ông T không yêu cầu bên nào cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến này.

[2.4] Tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Quan điểm về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của bà Đoàn Thị T đối với ông Doãn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị T được ly hôn với ông Doãn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho bà Đoàn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Doãn Thị Tường V, sinh ngày 19/8/2006 và giao cho ông Doãn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Doãn Minh P, sinh ngày 25/9/2012; Doãn Minh Đ, sinh ngày 03/4/2016. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T và ông T về việc không yêu cầu bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Đoàn Thị T nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0031552 ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/11/2019).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Xuân Nam